

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ
đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe

Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

2. Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

3. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe¹.

¹ Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.”.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ sở đào tạo lái xe ô tô, trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động có liên quan đến kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ²

1. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện chức năng đào tạo nghề lái xe ô tô.

2. Xe tập lái dùng để đào tạo lái xe ô tô, được gắn 02 biển “TẬP LÁI” trước và sau xe theo mẫu quy định tại Phụ lục II Nghị định này, có thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe trên đường của học viên, có hệ thống phanh phụ được lắp đặt bảo đảm hiệu quả phanh, được bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành lái xe, xe tập lái loại tải thùng có mui che mưa, che nắng, ghế ngồi cho học viên, có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực.

3. Xe sát hạch dùng để sát hạch lái xe, được gắn 02 biển “SÁT HẠCH” trước và sau xe, có hệ thống phanh phụ được lắp đặt bảo đảm hiệu quả phanh, có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực.

Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ.”

Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.”

² Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

4. Lưu lượng đào tạo là số lượng học viên lớn nhất mà cơ sở được phép đào tạo tại một thời điểm, được xác định bằng tổng số học viên đào tạo các hạng giấy phép lái xe, bao gồm cả học viên học lý thuyết và thực hành tại thời điểm xác định lưu lượng đào tạo.

5. Trung tâm sát hạch lái xe là cơ sở được xây dựng phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, cung cấp dịch vụ sát hạch lái xe và được phân loại như sau:

a) Trung tâm sát hạch loại 1: Thực hiện sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2, A3, A4, B1, B2, C, D, E và các hạng F (FB2, FC, FD, FE);

b) Trung tâm sát hạch loại 2: Thực hiện sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2, A3, A4, B1, B2 và hạng C;

c) Trung tâm sát hạch loại 3: Thực hiện sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2, A3 và hạng A4.

Điều 4.³ (được bãi bỏ)

Chương II ĐIỀU KIỆN KINH DOANH, CẤP VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

Điều 5. Điều kiện chung của cơ sở đào tạo lái xe ô tô

1. Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

2.⁴ (được bãi bỏ)

Điều 6. Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật

1.⁵ Hệ thống phòng học chuyên môn:

a) Phòng học lý thuyết: Có các trang thiết bị làm công cụ hỗ trợ việc giảng dạy về các nội dung: Pháp luật giao thông đường bộ, đạo đức người lái xe, văn hóa giao thông, phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông và phòng chống cháy nổ và cứu nạn, cứu hộ; hệ thống báo hiệu đường bộ, sa hình trang bị bằng hình thức hệ thống tranh vẽ hoặc được thiết kế dưới dạng điện tử;

b) Phòng học Kỹ thuật ô tô: Có các thiết bị công nghệ trình chiếu làm công cụ hỗ trợ việc giảng dạy về cấu tạo, sửa chữa thông thường và kỹ thuật lái xe; trường hợp các thiết bị công nghệ trình chiếu chưa có video, hình ảnh mô phỏng, hệ thống treo, hệ thống phanh, hệ thống lái, các thao tác lái xe cơ bản (điều chỉnh ghế lái, tư thế ngồi lái, vị trí cầm vô lăng lái...), phải có hình hoặc tranh vẽ; có

³ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

⁴ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

mô hình cắt bỏ động cơ, hệ thống truyền lực và mô hình hệ thống điện; trường hợp chưa có mô hình cắt bỏ động cơ, hệ thống truyền lực và mô hình hệ thống điện, phải sử dụng các thiết bị trình chiếu có video, hình ảnh để mô phỏng. Trang bị đồ nghề chuyên dùng để hướng dẫn học sinh thực hành tháo lắp lốp, kiểm tra dầu xe, nước làm mát (có thể bố trí ở nơi riêng biệt); có xe ô tô được kê kích bảo đảm an toàn để tập số nguội, số nóng (có thể bố trí ở nơi riêng biệt); có thiết bị mô phỏng để đào tạo lái xe;

c) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô bố trí số lượng phòng học lý thuyết và phòng học Kỹ thuật ô tô phù hợp với lưu lượng học viên và chương trình đào tạo; với lưu lượng dưới 500 học viên phải có ít nhất 01 phòng học lý thuyết và 01 phòng học Kỹ thuật ô tô; với lưu lượng từ 500 học viên đến 1.000 học viên phải có ít nhất 02 phòng học lý thuyết và 02 phòng học Kỹ thuật ô tô; với lưu lượng trên 1.000 học viên phải có ít nhất 03 phòng học lý thuyết và 03 phòng học Kỹ thuật ô tô.

2. Xe tập lái

a)⁶ Có xe tập lái các hạng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái; trường hợp cơ sở đào tạo có dịch vụ sát hạch lái xe, căn cứ thời gian sử dụng xe sát hạch vào mục đích sát hạch, được phép sử dụng xe sát hạch để vừa thực hiện sát hạch lái xe, vừa đào tạo lái xe nhưng số lượng xe sát hạch dùng để tính lưu lượng đào tạo không quá 50% số xe sát hạch sử dụng để dạy lái;

b)⁷ (được bãi bỏ)

c)⁸ (được bãi bỏ)

d) Ô tô tải sử dụng để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo;

đ)⁹ (được bãi bỏ)

e)¹⁰ (được bãi bỏ)

⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

⁷ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

⁸ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

⁹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

¹⁰ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

g)¹¹ (được bãi bỏ)

h)¹² (được bãi bỏ)

i)¹³ (được bãi bỏ)

k)¹⁴ (được bãi bỏ)

3. Sân tập lái xe

a)¹⁵ Thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe;

b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô có lưu lượng đào tạo 1.000 học viên trở lên phải có ít nhất 02 sân tập lái xe theo quy định;

c) Sân tập lái xe ô tô phải có đủ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, đủ tình huống các bài học theo nội dung chương trình đào tạo; kích thước các hình tập lái phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đối với từng hạng xe tương ứng;

d) Mặt sân có cao độ và hệ thống thoát nước bảo đảm không bị ngập nước; bề mặt các làn đường và hình tập lái được thảm nhựa hoặc bê tông xi măng, có đủ vạch sơn kẻ đường; hình các bài tập lái xe ô tô phải được bố via;

đ) Có nhà chờ, có ghế ngồi cho học viên học thực hành;

e) Diện tích tối thiểu của sân tập lái: Hạng B1 và B2 là 8.000 m²; hạng B1, B2 và C là 10.000 m²; hạng B1, B2, C, D, E và F là 14.000 m².

4.¹⁶ (được bãi bỏ)

Điều 7. Điều kiện về giáo viên¹⁷

1. Có đội ngũ giáo viên dạy lý thuyết, thực hành đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Nghị định này.

¹¹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

¹² Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

¹³ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

¹⁴ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

¹⁵ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

¹⁶ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

¹⁷ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

2.¹⁸ (được bãi bỏ)

Điều 8. Tiêu chuẩn giáo viên dạy lái xe, Giấy chứng nhận và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe ô tô¹⁹

1.²⁰ Tiêu chuẩn chung: Giáo viên dạy lái xe phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

2. Giáo viên dạy lý thuyết phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành luật, công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô hoặc các ngành nghề khác có nội dung đào tạo chuyên ngành ô tô chiếm 30% trở lên, giáo viên dạy môn Kỹ thuật lái xe phải có giấy phép lái xe tương ứng hạng xe đào tạo trở lên;

3. Giáo viên dạy thực hành lái xe đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo, nhưng không thấp hơn hạng B2;

b) Giáo viên dạy các hạng B1, B2 phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 03 năm trở lên, kể từ ngày trúng tuyển; giáo viên dạy các hạng C, D, E và F phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 05 năm trở lên kể từ ngày trúng tuyển;

c) Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành và được cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

4.²¹ Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cho giáo viên thuộc các cơ sở đào tạo do địa phương quản lý hoặc các cá nhân.

Điều 9. Thủ tục cấp, thu hồi Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe²²

1. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này;

b) Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);

¹⁸ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

¹⁹ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

²⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

²¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

²² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

c) Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);

d) 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

Trường hợp giấy tờ quy định tại điểm b, điểm c khoản này đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

2. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe lần đầu lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến cơ sở đào tạo lái xe;

b) Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, bảo đảm các điều kiện đối với người tham dự tập huấn theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này và tổ chức tập huấn theo chương trình tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

c) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn, cơ sở đào tạo có văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này và hồ sơ của cá nhân tham dự tập huấn gửi Sở Giao thông vận tải đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe bằng một trong các hình thức: Trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử;

d) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận danh sách do cơ sở đào tạo lập và hồ sơ cá nhân; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, trong thời hạn 02 ngày làm việc phải có văn bản nêu rõ nội dung, lý do đề nghị cơ sở đào tạo lái xe bổ sung đầy đủ, chính xác; trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, tổ chức kiểm tra, đánh giá. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản cho cơ sở đào tạo và nêu rõ lý do;

đ) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe và trả trực tiếp cho cá nhân hoặc gửi qua đường bưu chính, vào sổ theo dõi theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này. Trường hợp cá nhân không đạt kết quả, Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân.

3. Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi gian lận để được tham dự tập huấn và kiểm tra để được Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;

b) Cấp cho người không đủ một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 8 Nghị định này;

c) Do cơ quan hoặc người không có thẩm quyền cấp;

d) Bị tẩy xóa, sửa chữa;

đ) Cho cơ sở đào tạo khác thuê, mượn để sử dụng nhưng không tham gia giảng dạy; hoặc cho tổ chức, cá nhân khác thuê, mượn để sử dụng.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, thực hiện thu hồi theo trình tự sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi, thông báo đến các cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền;

b) Người được cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe phải nộp lại giấy chứng nhận cho cơ quan cấp, đồng thời dừng tham gia giảng dạy ngay sau khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm.

Điều 10. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe²³

1. Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe được cấp lại trong trường hợp bị mất hoặc bị hỏng hoặc có sự thay đổi về nội dung.

a) Hồ sơ đề nghị cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng bao gồm các thành phần quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều 9 của Nghị định này;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại trong trường hợp có sự thay đổi về nội dung bao gồm các thành phần quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều 9 của Nghị định này và tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi tương ứng, cụ thể như sau: Thay đổi tên của cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: Bản sao (có chứng thực hợp pháp) quyết định của cấp có thẩm quyền về việc đổi tên; thay đổi ngày tháng năm sinh, xuất trình căn cước công dân.

Trường hợp giấy tờ quy định tại điểm b khoản này đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

2. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp, hoặc qua đường bưu chính, hoặc qua hệ thống dịch công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải;

b) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích và vào sổ theo dõi theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này.

²³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Điều 11. Giấy phép xe tập lái và thẩm quyền cấp Giấy phép xe tập lái²⁴

1. Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép xe tập lái cho xe tập lái của cơ sở đào tạo do địa phương quản lý theo mẫu quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này; có hiệu lực tương ứng với thời gian được phép lưu hành ghi trên Giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhưng không vượt quá thời hạn sử dụng hợp pháp đối với xe tập lái.

2. Giấy phép xe tập lái bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Cấp cho xe tập lái không đáp ứng một trong điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 6 Nghị định này;

b) Bị tẩy xóa, sửa chữa;

c) Để cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng vào mục đích đào tạo lái xe;

d) Cơ sở đào tạo lái xe giải thể hoặc bị thu hồi Giấy phép đào tạo;

đ) Theo đề nghị của cơ sở đào tạo;

e) Xe tập lái có lắp đặt và sử dụng từ 2 thiết bị DAT trở lên để gian lận trong quá trình đào tạo thực hành lái xe.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép xe tập lái, thực hiện thu hồi theo trình tự sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi, thông báo đến các cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền;

b) Cơ sở đào tạo lái xe được cấp Giấy phép xe tập lái phải dừng sử dụng xe ô tô đã bị thu hồi Giấy phép xe tập lái trong hoạt động giảng dạy ngay sau khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm, đồng thời nộp lại giấy phép cho cơ quan cấp ngay sau khi quyết định thu hồi Giấy phép xe tập lái có hiệu lực.

Điều 12. Thủ tục cấp giấy phép xe tập lái

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này;

b) Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

2.²⁵ Trình tự thực hiện

²⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

²⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

a) Tổ chức gửi danh sách quy định tại điểm a khoản 1 Điều này kèm hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải;

b) Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản theo mẫu quy định tại phụ lục XIII kèm theo Nghị định này và cấp Giấy phép xe tập lái cho tổ chức đề nghị cấp phép tại thời điểm kiểm tra cấp giấy phép đào tạo lái xe;

c) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép xe tập lái. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trường hợp cấp lại Giấy phép xe tập lái hoặc bổ sung xe tập lái: Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ bao gồm các thành phần nêu tại khoản 1 Điều này, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua hệ thống dịch công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải;

đ) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp Giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

e) Trường hợp cấp Giấy phép xe tập lái điện tử (có mã hai chiều (QR)) được kết nối với trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải để truy xuất thông tin về xe ô tô, tuyến đường tập lái và hiệu lực lưu hành ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Sở Giao thông vận tải phải tuân thủ các quy định của Luật Giao dịch điện tử, các văn bản hướng dẫn thi hành và cấp Giấy phép xe tập lái điện tử trên Trang thông tin điện tử để cơ sở đào tạo in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.

Điều 13. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô và thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô được cơ quan có thẩm quyền cấp cho cơ sở đào tạo lái xe ô tô đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định này.

2. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị định này; được cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy phép đào tạo lái xe.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô

a)²⁶ (được bãi bỏ)

b) Sở Giao thông vận tải cấp mới, cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo do địa phương quản lý.

²⁶ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Điều 14. Thủ tục cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1.²⁷ Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục X kèm theo Nghị định này;

b) Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);

c) Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);

d) Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính).

Trường hợp giấy tờ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản này đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

2. Trình tự thực hiện

a) Sau khi hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư phương tiện, trang thiết bị dạy lái xe theo tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Nghị định này;

b)²⁸ Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

c)²⁹ Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tại địa phương tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XI kèm theo Nghị định này và cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đủ điều kiện. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 15. Thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô

²⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

²⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

²⁹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

1. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô được cấp lại khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo

a)³⁰ Hồ sơ bao gồm các thành phần quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 14 của Nghị định này (chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất);

b) Trình tự thực hiện

Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Nghị định này;

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền phối hợp cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XI kèm theo Nghị định này;

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô được cấp lại khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác

a) Cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 16. Thu hồi giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Cơ sở đào tạo bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe ô tô không thời hạn khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

- a) Có hành vi gian lận để được thành lập hoặc cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô;
- b) Không triển khai hoạt động đào tạo lái xe ô tô sau thời hạn 24 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô;
- c) Bị đình chỉ tuyển sinh đào tạo lái xe ô tô từ 02 lần trở lên trong thời gian 18 tháng;
- d) Giấy phép được cấp không đúng với thẩm quyền;
- đ) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên giấy phép được cấp;
- e) Cho thuê, mượn giấy phép;

³⁰ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

g)³¹ Cơ sở đào tạo lái xe giải thể theo quy định của pháp luật;

h)³² Cơ sở đào tạo lái xe không tổ chức hoạt động đào tạo lái xe sau thời hạn 24 tháng liên tục kể từ ngày có văn bản thông báo tạm dừng hoạt động mà không đáp ứng được các điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô;

i)³³ Cơ sở đào tạo lái xe không tổ chức hoạt động đào tạo lái xe trong thời gian 24 tháng liên tục.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô thực hiện việc thu hồi theo trình tự sau:

a) Ban hành quyết định thu hồi giấy phép đào tạo lái xe ô tô, thông báo đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô phải nộp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ quan cấp giấy phép, đồng thời dừng toàn bộ các hoạt động đào tạo lái xe ô tô theo giấy phép đã bị thu hồi ngay sau khi quyết định có hiệu lực.

Chương III

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH, CẤP VÀ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

Điều 17.³⁴ (được bãi bỏ)

Điều 18. Điều kiện về cơ sở vật chất

1. Điều kiện chung

a) Diện tích trung tâm sát hạch lái xe: Trung tâm loại 1 có diện tích không nhỏ hơn 35.000 m²; trung tâm loại 2 có diện tích không nhỏ hơn 20.000 m²; trung tâm loại 3 có diện tích không nhỏ hơn 4.000 m²;

b)³⁵ (được bãi bỏ)

³¹ Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

³² Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

³³ Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

³⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

³⁵ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

c)³⁶ Số lượng xe cơ giới dùng để sát hạch: Sát hạch lái xe trong hình hạng A1, B1, B2 và C tối thiểu mỗi hạng 02 xe, các hạng khác tối thiểu mỗi hạng 01 xe (kết hợp sát hạch trong hình và trên đường) và không được sử dụng vào mục đích kinh doanh khác; sát hạch lái xe trên đường tối thiểu mỗi hạng 01 xe. Xe sát hạch lái xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân có trung tâm sát hạch lái xe;

d) Thiết bị sát hạch lý thuyết: Tối thiểu 02 máy chủ (server); tối thiểu 10 máy trạm đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 3, tối thiểu 20 máy trạm đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 1 hoặc loại 2;

đ) Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình: Tối thiểu 02 máy tính cài đặt phần mềm điều hành và quản lý sát hạch đối với mỗi loại trung tâm sát hạch;

e) Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trên đường: Có ít nhất 02 máy tính cài đặt phần mềm điều hành và quản lý sát hạch, 01 máy tính làm chức năng máy chủ và điều hành có đường thuê bao riêng và địa chỉ IP tĩnh.

g)³⁷ Thiết bị mô phỏng để sát hạch lái xe ô tô: Dùng chung với hệ thống máy chủ và máy trạm của Phòng sát hạch lý thuyết; trường hợp có nhu cầu bố trí riêng thì trang bị tối thiểu 02 máy chủ (server); tối thiểu 10 máy trạm được cài đặt phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông do Bộ Giao thông vận tải quy định.

2. Điều kiện kỹ thuật

Trung tâm sát hạch phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành gồm: Làn đường, đèn tín hiệu giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ, vạch giới hạn, vĩa hè hình sát hạch, cọc chuẩn và hình các bài sát hạch trong sân sát hạch; xe cơ giới dùng để sát hạch; thiết bị sát hạch lý thuyết; thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình; thiết bị sát hạch thực hành lái xe trên đường; nhà điều hành và công trình phụ trợ khác.

Điều 19. Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

1. Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động được cơ quan có thẩm quyền cấp cho trung tâm sát hạch lái xe đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 18 của Nghị định này.

2. Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục XII kèm theo Nghị định này; được cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận hoặc có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng ô tô sử dụng để sát hạch lái xe. Giấy chứng nhận cấp lại phải có quy định hủy bỏ hiệu lực của giấy chứng nhận đã cấp trước đó.

³⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

³⁷ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

3.³⁸ Sở Giao thông vận tải cấp mới, cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 20. Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2

1. Hồ sơ bao gồm:

a)³⁹ Quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền đối với nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ) trừ các dự án không phải phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

b) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể;

c) Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

d) Hồ sơ thiết kế hình sát hạch, bản kê khai loại xe cơ giới dùng để sát hạch, loại thiết bị chấm điểm tự động.

2.⁴⁰ Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị kèm 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải;

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận gửi tổ chức, cá nhân; trường hợp không chấp thuận phải trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 21. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động⁴¹

1. Sau khi xây dựng xong trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

³⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

³⁹ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

⁴⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

⁴¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

2. Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản theo mẫu quy định tại phụ lục XIV kèm theo Nghị định này và cấp Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 22. Thủ tục cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

b) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

2. Trình tự thực hiện

a) Sau khi xây dựng xong trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Giao thông vận tải đề nghị cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 23. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

1. Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe

a) Trung tâm sát hạch lái xe gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Nghị định này;

b)⁴² Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản theo mẫu quy định tại phụ lục XIV kèm theo Nghị định này và cấp Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe được cấp lại khi bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận

a) Trung tâm sát hạch lái xe có văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và nêu rõ

⁴² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

lý do hỏng hoặc mất, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Nghị định này;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 24. Thu hồi giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

1. Trung tâm sát hạch lái xe bị thu hồi không thời hạn giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi gian lận để được cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;

b) Không triển khai hoạt động sát hạch lái xe sau thời hạn 24 tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe;

c) Bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động từ 02 lần trở lên trong thời gian 18 tháng;

d) Giấy chứng nhận được cấp không đúng thẩm quyền;

đ) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên giấy chứng nhận được cấp;

e) Cho thuê, mượn giấy chứng nhận;

g)⁴³ Trung tâm sát hạch lái xe giải thể theo quy định của pháp luật;

h)⁴⁴ Trung tâm sát hạch lái xe không tổ chức hoạt động sát hạch lái xe trong 24 tháng liên tục.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động, thực hiện thu hồi theo trình tự sau:

a) Ban hành quyết định thu hồi, thông báo đến các cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền;

b) Trung tâm sát hạch lái xe phải nộp lại giấy chứng nhận cho cơ quan cấp, đồng thời dừng toàn bộ hoạt động sát hạch lái xe theo giấy chứng nhận đã bị thu hồi ngay sau khi quyết định có hiệu lực.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

⁴³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

⁴⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Điều 25.⁴⁵ (được bãi bỏ)**Điều 26. Trách nhiệm tổ chức thực hiện****1. Bộ Giao thông vận tải**

a) Quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn đối với hệ thống phòng học, xe tập lái, sân tập lái, giáo trình và chương trình đào tạo;

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện các quy định tại Nghị định này.

c)⁴⁶ Quy định quy chuẩn, lộ trình trang bị thiết bị mô phỏng để đào tạo, sát hạch lái xe, thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe của học viên; hướng dẫn việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát thời gian học lý thuyết đối với học viên của các cơ sở đào tạo lái xe ô tô;

d)⁴⁷ Quy định và hướng dẫn việc quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe.

2. Cục Đường bộ Việt Nam⁴⁸

a)⁴⁹ Tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện quy định tại Nghị định này; tổ chức tập huấn, hướng dẫn Sở Giao thông vận tải về nghiệp vụ kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;

b) Định kỳ tổ chức kiểm chuẩn các trung tâm sát hạch lái xe, đảm bảo theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ;

c) Công bố và thực hiện cập nhật danh sách các cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe được cấp hoặc bị thu hồi trong toàn quốc trên trang Thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam⁵⁰.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

⁴⁵ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

⁴⁶ Điều này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

⁴⁷ Điều này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

⁴⁸ Cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” được thay bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

⁴⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

⁵⁰ Cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” được thay bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

a)⁵¹ (được bãi bỏ)

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện quy định tại Nghị định này.

4. Sở Giao thông vận tải

a) Tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện quy định tại Nghị định này; chỉ đạo trung tâm sát hạch lái xe thực hiện sát hạch lái xe cho cơ sở đào tạo lái xe ô tô thuộc quyền quản lý. Trường hợp địa phương không có trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động thì tổ chức sát hạch tại địa phương khác;

b) Công bố và thực hiện cập nhật danh sách các cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe được cấp hoặc bị thu hồi trong phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.

5. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô có trách nhiệm

a) Tổ chức đào tạo mới và nâng hạng giấy phép lái xe theo lưu lượng, thời hạn, địa điểm, hạng giấy phép lái xe ghi trong giấy phép đào tạo lái xe;

b)⁵² Duy trì, tăng cường vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy; quản lý đội ngũ giáo viên bảo đảm điều kiện theo quy định; có đủ phương tiện, thiết bị đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ theo quy định của pháp luật; định kỳ 3 năm 1 lần tổ chức tập huấn để nâng cao nghiệp vụ đối với giáo viên dạy thực hành lái xe theo nội dung do Bộ Giao thông vận tải quy định.

6.⁵³ Trung tâm sát hạch lái xe có trách nhiệm bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm tra, chấm điểm, có đủ phương tiện, thiết bị đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ theo quy định để thực hiện các kỳ sát hạch đạt kết quả chính xác, khách quan.

Điều 27. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành⁵⁴

⁵¹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

⁵² Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

⁵³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

⁵⁴ Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giáo viên dạy thực hành lái xe đã được cấp giấy chứng nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Nghị định này, phải đáp ứng quy định của Nghị định này trước ngày 01 tháng 7 năm 2019.

2. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô, giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động có thời hạn đã cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 được cấp lại khi hết thời hạn sau khi đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô hoặc dịch vụ sát hạch lái xe.

3. Các cơ sở đào tạo lái xe ô tô, Trung tâm sát hạch lái xe được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô, Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực, được tiếp tục hoạt động đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe và phải thực hiện trang bị thiết bị mô phỏng để đào tạo lái xe, thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe trên đường của học viên, thiết bị mô phỏng để sát hạch lái xe theo lộ trình do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./”

Điều 3 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

2. Nghị định này bãi bỏ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

3. Điều khoản chuyển tiếp

a) Trường hợp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp lại Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp lại Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp đổi Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ) đã gửi đến Cục Đường bộ Việt Nam đúng quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016, Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2018, Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021);

b) Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ và Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trên Giấy chấp thuận, Chứng chỉ;

c) Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy phép xe tập lái, Giấy phép đào tạo lái xe ô tô, Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục còn giá trị sử dụng.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./”

Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024 quy định như sau:

“Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy phép xe tập lái, Giấy phép đào tạo lái xe ô tô, Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục sử dụng cho đến khi hết thời hạn.

2. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô thực hiện trang bị thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe của học viên trên xe tập lái trên sân tập lái kể từ ngày Quy chuẩn thay thế Quy chuẩn QCVN 105:2020/BGTVT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe) có hiệu lực thi hành.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động đã được Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận để xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thực hiện theo quy định tại Nghị định số 65/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 138/2018/NĐ-CP.

4. Giấy phép vận tải loại D do Cục Đường bộ Việt Nam cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục sử dụng cho đến khi hết thời hạn.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./”

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: /VBHN-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Nguyễn Duy Lâm;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT (để đăng tải);
- Lưu: Văn thư, PC (2).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục I⁵⁵ (được bãi bỏ)

⁵⁵ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

Phụ lục II
MẪU BIỂN XE TẬP LÁI

(Kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

TẬP LÁI

1. Biển phía trước nền màu xanh, chữ màu trắng; lắp cố định trên thanh cản bên trái của xe ô tô, có kích thước:

- 10 cm x 25 cm đối với xe các hạng B1, B2, C, D, E, F.

2. Biển phía sau nền màu xanh, chữ màu trắng; lắp cố định giữa thành xe ô tô, không trùng biển số xe, có kích thước:

- 10 cm x 25 cm đối với xe các hạng B1, B2;

- 35 cm x 35 cm đối với xe các hạng C, D, E, F.

Phụ lục III⁵⁶**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE***(Kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh màu
3 cm x 4 cm
(chụp không
quá 06
tháng),
có dấu
giáp lai

Căn cứ Quyết định số...../..... ngày..... tháng..... năm 20..... của Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền về việc cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
CHỨNG NHẬN**

Ông (Bà):.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Số định danh điện tử:.....

Đã hoàn thành khóa tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe..... hạng.....

Từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....

Số GCN:....., ngày..... tháng..... năm 20.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(Ký tên, đóng dấu)

Quy cách:

- Kích thước: 150 mm x 200 mm;

- Chữ “CHỨNG NHẬN”: phong chữ Times New Roman in hoa, đậm, cỡ chữ 21.

⁵⁶ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Phụ lục IV⁵⁷
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE
(Kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

Kính gửi:.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Số định danh điện tử:.....

Có giấy phép lái xe số:....., hạng..... do:.....
cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng.....

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày..... tháng..... năm 20....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

⁵⁷ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Phụ lục V⁵⁹**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE***(Kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)***CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

Căn cứ đề nghị của các cá nhân về việc tham gia tập huấn, để được cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; trên cơ sở xét duyệt Tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 138/2018/NĐ-CP, Nghị định số 70/2022/NĐ-CP và Nghị định số.../2024/NĐ-CP)

Kể từ ngày.... đến ngày....., Cơ sở đào tạo... đã tổ chức tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe theo chương trình tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định của Bộ Giao thông vận tải, đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét, tổ chức kiểm tra cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cho (số lượng) giáo viên đã tham dự tập huấn theo danh sách dưới đây:

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số đị nh danh điện tử	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Giấy phép lái xe			Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm	Hạng	Ngày trúng tuyển	Thâm niên	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày.... tháng... năm 20....

HIỆU TRƯỞNG**(GIÁM ĐỐC)***(Ký tên, đóng dấu)*

⁵⁹ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm c khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Phụ lục VI
MẪU DANH SÁCH GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH
ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE
(Kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH,
ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Đơn vị công tác	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Giấy phép lái xe			Ghi chú
					Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm	Hạng	Ngày trúng tuyển	Thâm niên	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

THỦ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VII⁵⁹**CÁC MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**
(Kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)**Mẫu số 01. Mẫu giấy phép xe tập lái**

Kích thước: 120 mm x 180 mm

1. Mặt trước:

UBND TỈNH.... SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI..	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI Mã số:...../.....	
Cấp cho xe số:..... Loại phương tiện:.....	
Nhãn hiệu xe:..... Màu sơn:.....	
Cơ sở đào tạo:.....	
Được phép tập lái xe trên các tuyến đường (trừ các tuyến đường hạn chế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)	
Có giá trị: Từ ngày...../...../..... Đến ngày...../...../..... (Giấy phép xe tập lái chỉ có giá trị khi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe còn giá trị sử dụng)	<i>Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20....</i> THỦ TRƯỞNG <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

2. Mặt sau: In chữ “TẬP LÁI” theo phong chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 90.**TẬP LÁI**

⁵⁹ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm d khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Mẫu số 02. Mẫu giấy phép xe tập lái điện tử

Kích thước: 120 mm x 180 mm

1. Mặt trước:

UBND TỈNH.... SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI Mã số:...../.....	
Cấp cho xe số:..... Loại phương tiện:.....	
Nhãn hiệu xe:..... Màu sơn:.....	
Cơ sở đào tạo:.....	
Được phép tập lái xe trên các tuyến đường (trừ các tuyến đường hạn chế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)	
Có giá trị: Từ ngày...../...../..... Đến ngày...../...../..... (Giấy phép xe tập lái chỉ có giá trị khi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe còn giá trị sử dụng)	<i>Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20....</i> THỦ TRƯỞNG (Ký tên, đóng dấu)

2. Mặt sau: In chữ “TẬP LÁI” theo phong chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 90.

TẬP LÁI

MÃ QR

Phụ lục VIII**MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI***(Kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)***CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm)..... đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)*(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục IX
MẪU GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ
(Kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../....., ngày..... tháng..... năm 20.....

GIẤY PHÉP
ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số...../..... /NĐ-CP ngày..../...../..... của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Xét đề nghị của Đoàn kiểm tra được thành lập tại Quyết định số..... ngày...../...../..... của cơ quan có thẩm quyền về việc.....;

Theo đề nghị của

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

1. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho:.....

2. Địa chỉ:.....

- Điện thoại - Fax:.....

3. Cơ quan quản lý trực tiếp:.....

4. Được phép đào tạo:

- Hạng:.....

- Lưu lượng:

5. Địa điểm đào tạo:.....

Cơ sở đào tạo lái xe phải xuất trình Giấy phép này với cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục X**MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**
(Kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
CƠ SỞ ĐÀO TẠO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ**
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**I. GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:.....

Địa chỉ liên lạc:.....
.....

Điện thoại:..... Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:.....

3. Quyết định thành lập số..... ngày...../...../..... của.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm..... loại xe (xe con, xe tải.....tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số..... ngày...../...../..... của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được..... học sinh, lái xe loại.....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại....., thời gian đào tạo..... tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

*(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)*3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định đề báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....

- Số lượng giáo viên dạy thực hành:.....

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH
(hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE**

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
3													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
3							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích:..... m².
- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
 - Có hiện trường tập lái thực tế.
8. Đánh giá chung, đề nghị:

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XI**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA XÉT CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE***(Kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN KIỂM TRA
XÉT CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ**

Ngày...../...../....., Đoàn kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe được thành lập tại Quyết định số:..... ngày...../...../.... của cơ quan có thẩm quyền....., đã tiến hành kiểm tra theo tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe:.....

Thành phần Đoàn gồm có:

1. Ông (Bà)..... Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền - Trưởng Đoàn.
2. Ông (Bà)..... Trưởng (Phó) phòng..... cơ quan có thẩm quyền.
3. Ông (Bà)..... Đại diện Cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp.
4. Ông (Bà)..... Chuyên viên Phòng - Thư ký.

Thành phần Cơ sở đào tạo lái xe gồm có:

1. Ông (Bà):
2. Ông (Bà):
3. Ông (Bà):

Kết quả kiểm tra như sau:

1. Phòng học Luật Giao thông đường bộ:

.....
.....

2. Phòng học Cấu tạo và Sửa chữa thông thường:

.....
.....

3. Phòng học Nghiệp vụ vận tải:

.....
.....

4. Phòng học Kỹ thuật lái xe:

.....
.....

5. Phòng học Thực tập bảo dưỡng, sửa chữa:

.....

6. Các phòng học khác:

.....

7. Giáo viên có..... người đủ tiêu chuẩn, trong đó:

- Giáo viên dạy lý thuyết..... người (danh sách trích ngang, hồ sơ kèm theo);
- Giáo viên dạy thực hành lái xe..... người (danh sách trích ngang, hồ sơ kèm theo).

8. Xe tập lái có..... xe (kèm theo danh sách, giấy đăng ký, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy phép xe tập lái) đủ tiêu chuẩn, trong đó:

- Xe hạng B:..... chiếc;
- Xe hạng C:..... chiếc;
- Xe hạng D:..... chiếc;
- Xe hạng E:..... chiếc;
- Xe hạng F:..... chiếc.

9. Sân tập lái có..... sân với diện tích..... m², được thảm nhựa (bê tông, ghi rõ các điều kiện khác), đủ (không đủ) điều kiện dạy lái.

10. Đường tập lái xe là đường (ghi rõ tên đường).....
 đủ giảng dạy, tập lái theo nội dung, chương trình đào tạo lái xe quy định.

Với kết quả kiểm tra trên, đề nghị Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền, cấp giấy phép đào tạo lái xe các hạng, với lưu lượng:..... học viên (trong đó, hạng B:....., hạng C:....., hạng D:....., hạng E:....., hạng F:.....).

Tên cơ sở đào tạo:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Fax:.....

Cơ quan trực tiếp quản lý:.....

Họ tên Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc):.....

TRƯỞNG ĐOÀN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

THƯ KÝ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
 QUẢN LÝ DẠY NGHỀ**

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XII
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
(Kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../....., ngày..... tháng..... năm 20.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số...../..... /NĐ-CP...../...../..... của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ (QCVN...../BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số...../...../ TT-BGTVT ngày...../...../..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Biên bản kiểm tra Trung tâm sát hạch lái xe..... của Đoàn kiểm tra ngày..... /...../.....;

Xét đề nghị của Trung tâm sát hạch lái xe..... tại văn bản số..... ngày...../...../..... về việc kiểm tra, xác nhận trung tâm sát hạch lái xe;

Theo đề nghị của Trưởng phòng.....,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Cấp giấy chứng nhận cho: TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE...

1. Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

2. Cơ quan quản lý hoạt động trực tiếp:

3. Trung tâm sát hạch lái xe..... là trung tâm sát hạch loại..., sử dụng thiết bị sát hạch của....., có đủ điều kiện sát hạch lái xe các hạng:..

Trung tâm sát hạch lái xe phải xuất trình Giấy chứng nhận này với cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe đến tổ chức sát hạch và chịu sự kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận số..... của cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho Trung tâm (đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận)/.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XIII⁶⁰**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**
(Kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN KIỂM TRA**
CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Căn cứ Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 138/2018/NĐ-CP); Nghị định số..../NĐ-CP);

Căn cứ văn bản số.... ngày..... của Đơn vị..... đề nghị kiểm tra cấp giấy phép xe tập lái;

Ngày../../..., đại diện Sở Giao thông vận tải.. tiến hành kiểm tra điều kiện của xe tập lái.

Thành phần tham gia Đoàn kiểm tra gồm:

1. Đại diện Sở Giao thông vận tải

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

2. Đại diện cơ sở đào tạo lái

Ông (Bà):.....

Ông (Bà):.....

NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Trung tâm đã bố trí... xe tập lái để kiểm tra, số lượng như sau:

- Hạng B:... xe

- Hạng C:... xe

...

Tổng:... xe.

2. Nội dung kiểm tra

- Xe tập lái được gắn 02 biển “Tập lái” trước và sau xe theo quy định.

- Có thiết bị DAT theo quy định (Có danh sách, số serial, số imei tương ứng).

⁶⁰ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

- Có hệ thống phanh phụ được bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành lái xe.

- Xe tập lái loại tải thùng có mui che mưa, che nắng, ghế ngồi cho học viên.

- Có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực.

3. Kết quả kiểm tra

3.1. Số lượng xe tập lái đáp ứng điều kiện theo quy định:

Xe tập lái hạng B:... xe

Xe tập lái hạng C:... xe

...

Tổng:... xe

(Có danh sách kèm theo)

3.2. Số lượng xe tập lái không đáp ứng điều kiện theo quy định:

Xe tập lái hạng B:... xe

Xe tập lái hạng C:... xe

...

Tổng:... xe

(Có danh sách kèm theo)

Với kết quả kiểm tra như trên, Đoàn kiểm tra đề nghị Sở Giao thông vận tải... cấp giấy phép xe tập lái cho các xe tập lái đáp ứng điều kiện theo quy định.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, các thành phần tham gia kiểm tra đã nhất trí các nội dung trên và thống nhất ký biên bản./.

ĐẠI DIỆN
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI...
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE
(Ký, ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH XE TẬP LÁI
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

STT	Biển số	Hạng	Thiết bị DAT		Ghi chú
			Số serial	Số imei	

**DANH SÁCH XE TẬP LÁI
KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

STT	Biển số	Hạng	Lý do

Phụ lục XIV⁶¹

**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG**
(Kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Trung tâm sát hạch lái xe loại....

Căn cứ văn bản số... ngày... của Đơn vị..... đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;

Ngày.../.../..., Sở Giao thông vận tải... tiến hành kiểm tra điều kiện hoạt động của Trung tâm sát hạch lái xe loại.... theo quy định tại Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 138/2018/NĐ-CP) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mã số QCVN40:2015/BGTVT về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Thành phần tham gia Đoàn kiểm tra gồm:

1. Ông (Bà)..... Lãnh đạo Sở GTVT - Trưởng Đoàn.
2. Ông (Bà)..... Trưởng (Phó) phòng..... Sở GTVT.
3. Ông (Bà)..... Chuyên viên phòng.... Sở GTVT.. - Thư ký.

Thành phần Trung tâm sát hạch lái xe gồm có:

1. Ông (Bà):.....
2. Ông (Bà):.....
3. Ông (Bà):.....

I. Nội dung kiểm tra**1. Thông tin về Trung tâm sát hạch lái xe**

- Tên trung tâm:...
- Địa chỉ:...
- Điện thoại:...

⁶¹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 41/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

2. Yêu cầu chung

- 2.1. Diện tích:...
- 2.2. Các công trình cơ bản:...
- 2.3. Phòng cháy chữa cháy, chống sét:...
- 2.4. Máy phát điện dự phòng:...
- 2.5. Trang thiết bị hỗ trợ:...
- 2.6. Đoạn đường sát hạch:...

3. Yêu cầu kỹ thuật

- 3.1. Bố trí mặt bằng:...
- 3.2. Sân sát hạch:...
- 3.3. Xe cơ giới dùng để sát hạch:...

STT	Nhãn hiệu	Biển số	Ký hiệu	Năm sản xuất	Nội dung sát hạch

- 3.4. Thiết bị sát hạch lý thuyết:...
- 3.5. Thiết bị sát hạch mô phỏng:...
- 3.6. Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình:...
- 3.7. Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trên đường:...
- 3.8. Thiết bị sát hạch lý thuyết:...
- 3.9. Nhà điều hành và các phòng chức năng:...
- 3.10. Các công trình phụ trợ khác:...

II. Kết quả kiểm tra

1. Trung tâm sát hạch lái xe... được xây dựng theo Quy chuẩn trung tâm sát hạch lái xe loại..., đã có thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số..., có các hạng mục sau:

- ...
- ...
- ...

2. Qua kiểm tra, Đoàn kiểm tra đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cho Trung tâm (nếu không đạt, đoàn kiểm tra đề nghị trung tâm tiếp tục hoàn thiện, khắc phục các thiếu sót)

3. Trong quá trình hoạt động, đề nghị Trung tâm... bảo đảm điều kiện cơ sở

vật chất, trang thiết bị và các quy định kỹ thuật theo quy định.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, các thành phần tham gia kiểm tra đã nhất trí các nội dung trên và thống nhất ký biên bản./.

TRƯỞNG ĐOÀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN
TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)